

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 11-6-2020

V/v: Ly hôn giữa chị C và anh H

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Vũ Thị Mai Hương

*Các thẩm phán:* Bà Mai Thị Minh Hồng  
Ông Lại Văn Tùng

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Lã Ngọc Tiền

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:***

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2019/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản và nuôi con chung khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/HNGĐ-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐ-PT ngày 28/02/2020 giữa các đương sự:

**+ Nguyên đơn:** Chị Trần Thị C, sinh năm 1978

Nơi cư trú: Xóm 19 - xã G - huyện G - tỉnh Nam Định.

**+ Bị đơn:** Anh Đinh Văn H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Xóm 19 - xã G - huyện G - tỉnh Nam Định.

**+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1973

2. Chị Đinh Thị H2, sinh năm 1979

Cùng nơi cư trú: Xóm 19 - xã G - huyện G - tỉnh Nam Định.

3. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Giao Thủy-  
Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận.

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị L – Giám đốc chi nhánh

**+ VKSND tỉnh Nam Định có kháng nghị**

### **NỘI D V U Á N:**

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị C trình bày:

Chị C và anh Đinh Văn H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã G - huyện G - tỉnh Nam Định vào ngày 23/11/1998. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc được mấy năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh H đi vào con đường rượu chè thường xuyên đánh đập vợ con, chị C đã cố gắng chịu đựng nhưng anh H không thay đổi, bạo lực gia đình thường xuyên xảy ra. Nay chị C xác định vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống với nhau được nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C được ly hôn anh Đinh Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Thị Kim D sinh ngày 30/9/2000 và Đinh Minh Tr sinh ngày 20/11/2006, đối với cháu D đã trưởng thành không đề nghị Tòa án giải quyết, còn nguyện vọng của chị C nhận nuôi cháu Tr đến tuổi trưởng thành lao động tự lập được, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu Tr có nguyện vọng ở cùng anh H chị C cũng nhất trí.

Về tài sản riêng, tài sản chung và ruộng nhận khoán hợp tác xã, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Đinh Văn H trình bày:

Về điều kiện kết hôn, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của chị C là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được mười lăm năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị C đi làm ở Hà Nội đã có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Nên anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa nay chị C xin ly hôn, anh H cũng H toàn nhất trí.

Về con chung: Như lời trình bày của chị C là đúng. Đối với cháu D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Tr nguyện vọng của cháu ở với ai anh cũng đồng ý.

Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ anh H yêu cầu Tòa án giải quyết và trình bày: Vợ chồng còn nợ các khoản sau: Vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh

huyện Giao Thủy – Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận 200.000.000đồng, đến tháng 6 năm 2019 anh đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc và 2.800.000đồng lãi suất nợ xấu(về phần anh anh đã thực hiện xong nghĩa vụ đối với ngân hàng), nợ anh H1 5.000.000đồng tiền gốc, còn nợ chị H2 (vợ anh H1) khoảng 5 triệu.

+ Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Đinh Văn H1 trình bày: Anh làm việc trong giáo xứ Phú Thọ lên anh lấy tiền của giáo xứ cho anh H vay 5.000.000đồng từ ngày 08/11/2016 lãi suất 10%/ tháng, từ thời gian vay tính đến nay cả gốc và lãi là 6.800.000đồng và vợ chồng anh H còn mua hàng của vợ anh là chị Đinh Thị H2 là 9.200.000đồng. Nay chị C trình bày chỉ có nợ 5.000.000 đồng tiền mua hàng anh cũng chấp nhận. Anh yêu cầu vợ chồng anh H chị C phải trả anh 6.800.000đồng cả gốc và lãi, anh không yêu cầu lãi phát sinh thêm và trả chị H2 5.000.000đồng tiền mua hàng.

+ Tại biên bản làm việc ngày 17/7/2019, bà Phạm Thị L - Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh huyện Giao Thủy - Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận cung cấp: Tại hợp đồng tín dụng số 3204LAV 201703140/HĐTD Phòng giao dịch Hồng Thuận – Chi nhánh Giao Thủy Nam Định đã cho vợ chồng anh Đinh Văn H và chị Trần Thị C ở xóm 19 xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy vay số tiền là 200.000.000đồng kể từ ngày 22/6/2017 (ngày ký hợp đồng). Thời hạn vay là 36 tháng. Đến ngày 09/7/2019 anh H đã trả được 100.000.000đồng tiền gốc và số tiền lãi theo quy định. Hiện nay vợ chồng anh H còn nợ số tiền gốc là 100.000.000 đồng và lãi chưa trả tính từ 09/7/2019. Nay vợ chồng anh H ly hôn đề nghị Tòa án buộc anh H và chị C phải thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc và lãi phát sinh.

+ Tại bản tự khai ngày 15/5/2019 cháu Đinh Minh Tr trình bày: Bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố, nhưng tại phiên tòa cháu Tr trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 56/2019/HNGĐ-ST ngày 10/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị C trực tiếp nuôi con chung là Đinh Minh Tr sinh ngày 20/11/2006, kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về công nợ:

Chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị C cụ thể: Anh H nhận trách nhiệm trả nợ anh Trần Văn H1 số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng); Chị C nhận trách nhiệm trả nợ chị Đinh Thị H2 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Buộc chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Giao Thủy – Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 09/7/2019, trả theo hợp đồng tín dụng số 3204LAV201703140/HĐTD ngày 22/6/2017 anh H chị C đã ký với Ngân hàng;

4. Về án phí: Chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị C đã nộp tại biên lai số 0000366 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy (chị C đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trả lại anh Đinh Văn H số tiền tạm ứng án phí 5.500.000 đồng (năm triệu năm trăm nghìn đồng) anh H đã nộp tại biên lai thu số 0000398 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 06/11/2019, VKSND tỉnh Nam Định có kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS với nội D: Trong quá trình giải quyết công nợ của vợ chồng, anh H và chị C đã thống nhất được hai khoản nợ của chị H2 và anh H1, đối với khoản nợ vay Ngân hàng thì anh H và chị C không thống nhất được về trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền 100 triệu đồng tiền gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng. Vì vậy theo nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 anh H và chị C vẫn phải chịu án phí về khoản nợ đối với Ngân hàng. Cấp sơ thẩm không buộc anh H chị C chịu án phí về khoản nợ đối với Ngân hàng là làm thất thoát Ngân sách của Nhà nước. Vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về phần án phí.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

+ VKSND tỉnh Nam Định vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/11/2019.

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung kháng nghị, xét thấy trong quá trình giải quyết công nợ chung của anh H và chị C, cấp sơ thẩm đã không buộc chị C và anh H phải nộp án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả nợ Ngân hàng là không đúng quy định tại điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14. Vì vậy đề nghị Hội đồng

xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 BLTTDS, chấp nhận kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng nghị của VKSND tỉnh Nam Định làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đinh Văn H, bà Phạm Thị Lan có đơn xin xử vắng mặt; chị Trần Thị C đã được Tòa án giao giấy triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt anh H, chị C và bà Lan.

[2] Xét nội dung kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định thấy: Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã thụ lý và giải quyết theo trình tự sơ thẩm vụ án Ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H theo đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã quyết định xử thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H, giao chị Trần Thị C trực tiếp nuôi con chung là Đinh Minh Tr sinh ngày 20/11/2006 và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về công nợ chung, ghi nhận sự tự thỏa thuận về khoản nợ cá nhân như sau, anh Đinh Văn H có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn H1 số tiền 6.800.000 đồng, chị Trần Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Đinh Thị H2 số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Giao Thủy- Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận, do anh H và chị C không thống nhất được về nghĩa vụ trả nợ, nên cấp sơ thẩm đã quyết định buộc chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Giao Thủy – Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 09/7/2019, trả theo hợp đồng tín dụng số 3204LAV201703140/HĐTD ngày 22/6/2017 anh H chị C đã ký với Ngân hàng;

Căn cứ vào điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 thì thấy, chị Trần Thị C phải có nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm, anh Đinh Văn H và chị Trần Thị C phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng.

Cấp sơ thẩm chỉ buộc chị Trần Thị C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, mà không buộc chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H phải có nghĩa vụ nộp án phí dân sự có giá ngạch đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng là thiếu sót. Kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có căn cứ pháp lý, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS: Chấp nhận Kháng nghị số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định: Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

**2.** Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 273 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**2.1.** Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H.

**2.2.** Về công nợ:

- Chấp nhận sự thỏa thuận của anh H, chị C cụ thể: Anh H nhận trách nhiệm trả nợ anh Trần Văn H1 số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng); chị C nhận trách nhiệm trả nợ chị Đinh Thị H2 số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Buộc chị Trần Thị C và anh Đinh Văn H, mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Giao Thủy – Phòng giao dịch khu vực Hồng Thuận số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh tính từ ngày 09/7/2019, trả theo hợp đồng tín dụng số 3204LAV201703140/HĐTD ngày 22/6/2017 anh H chị C đã ký với Ngân hàng;

**3.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4.** Về án phí sơ thẩm:

**4.1.** Chị Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị C đã nộp tại biên lai thu số 0000366 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, chị C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

**4.2.** Về án phí dân sự có giá ngạch:

- Chị Trần Thị C phải nộp 2.500.000 đồng

- Anh Đinh Văn H phải nộp 2.500.000 đồng, được khấu trừ đi số tiền tạm ứng án phí 5.500.000 đồng anh H đã nộp tại biên lai thu số 0000398 ngày 04/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, xác định anh H đã nộp đủ án phí dân sự có giá ngạch, anh H còn được H trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp thừa là 3.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh NĐ
- TAND huyện Giao Thủy;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Vũ Thị Mai Hương**